

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LUSSY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LUSSY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LUSSY TRADE SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110640972

**3. Ngày thành lập:** 06/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 01 - TT12 - Khu đô thị Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966728082

Fax:

Email: ht860508@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung | 4329     |
| 3.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4542     |
| 4.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4543     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                     | 4632        |
| 7.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                      | 4633        |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                  | 4641        |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)<br>Chi tiết:<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                    | 4649(Chính) |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(trừ thiết bị y tế)                                                                                                                                | 4659        |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn thuốc bảo vệ thực vật | 4669        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                 | 8299        |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài );                | 6619        |
| 14. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                            | 6810        |
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ đấu giá)<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản;                                  | 6820        |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn thuế, kế toán, kiểm toán và chứng khoán)                                                                                                            | 7020        |
| 17. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                 | 7310        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                | 7320 |
| 19. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7710 |
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                 | 4690 |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                    | 4711 |
| 22. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                        | 4722 |
| 23. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                          | 4723 |
| 24. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh<br>Chi tiết:<br>+ Nước xả quần áo và chất làm mềm vải                                                                                                                                                            | 2023 |
| 25. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                        | 4781 |
| 26. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                            | 4785 |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                    | 4789 |
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đấu giá)<br>Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử                                                                                                                                                                        | 4791 |
| 29. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                           | 4799 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                    | 4933 |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                         | 5224 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                            | 5225 |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)                                                                                            | 5229 |
| 35. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                       | 5510 |
| 36. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                 | 5590 |
| 37. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);                                                                                             | 5610 |
| 38. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                           | 5621 |
| 39. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                               | 5629 |
| 40. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                            | 5630 |
| 41. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                          | 7729 |
| 42. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                     | 7730 |
| 43. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                             | 3311 |
| 44. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                         | 3312 |
| 45. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                             | 3313 |
| 46. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                             | 3314 |
| 47. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                             | 3319 |
| 48. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                            | 3320 |
| 49. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                              | 4321 |
| 50. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4761 |
| 51. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ kinh doanh dược phẩm)<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 52. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                      | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024086008407

Địa chỉ thường trú: CH1711 Ct3a (M7) ĐAKNO Kiến Hưng, đường Hoàng Công, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CHI711 Ct3a (M7) DAKNO Kiến Hưng, đường Hoàng Công, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 26/08/1986      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024086008407

Địa chỉ thường trú: CH1711 Ct3a (M7) DAKNO Kiến Hưng, đường Hoàng Công, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CHI711 Ct3a (M7) DAKNO Kiến Hưng, đường Hoàng Công, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội